

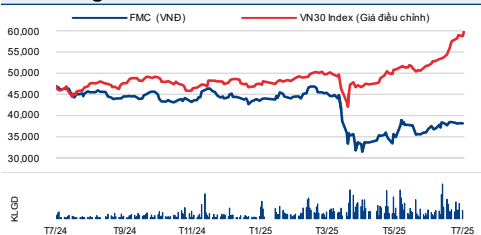
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ41,900
Tiềm năng tăng/giảm: 9.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (22/7/2025)	38,350
Mã Bloomberg	FMC VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	31,548-46,849
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	38,233
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	2,508
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	95.9
Slg CP lưu hành (tr.đv)	65.4
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	32.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	12.4
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	30.0%
Tỷ lệ freefloat	25.0%
Cổ đông lớn	CT CP tập đoàn PAN (37.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	6,913	6,890	6,500
EBITDA đc (tỷ đồng)	546	497	488
LNTT (tỷ đồng)	422	405	403
LNT ĐC (tỷ đồng)	304	316	315
FCF (tỷ đồng)	487	32.5	459
EPS ĐC (đồng)	4,646	4,833	4,811
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000
BVPS (đồng)	33,151	35,984	38,795
T.trưởng EBITDA (%)	22.1	(9.10)	(1.71)
T.trưởng EPS ĐC (%)	10.0	4.02	(0.44)
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	7.90	7.21	7.51
Tỷ suất LNTT (%)	6.10	5.88	6.20
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.39	4.59	4.84
Tỷ lệ LN trả CT (%)	43.0	41.4	41.6
Nợ thuần/VCSH (%)	(7.37)	1.98	(12.8)
ROAE (%)	14.5	14.0	12.9
ROACE (%)	15.4	13.4	12.6
EV/doanh thu (lần)	0.34	0.37	0.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	4.27	5.11	4.45
P/E ĐC (lần)	8.25	7.94	7.97
P/B (lần)	1.16	1.07	0.99
Lợi suất cổ tức (%)	5.22	5.22	5.22

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FMC là doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn thứ 3 Việt Nam, tập trung vào phân khúc hàng chất lượng cao và chế biến sâu.

Chuyên viên phân tích

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng
kim.thong@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng
my.th@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 362

Q2/2025: KQKD tích cực và vượt dự báo

- Doanh thu thuần của FMC trong Q2/2025 đạt 1.876 tỷ đồng, tăng 51% so với cùng kỳ, trong khi lợi nhuận thuần đạt 80 tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ. Doanh thu và lợi nhuận thuần lần lượt cao hơn 30% và 25% so với dự báo của HSC.
- Tăng trưởng chủ yếu đến từ sản lượng xuất khẩu tăng 31% và giá bán bình quân tăng 17%. KQKD tích cực phần lớn được thúc đẩy nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường Mỹ.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 14% trong 3 tháng qua, FMC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 7,7 lần, thấp hơn 0,9 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,2 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2025

KQKD Q2/2025 của FMC vượt dự báo với doanh thu thuần đạt 1.876 tỷ đồng (tăng 51% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 80 tỷ đồng (tăng 21% so với cùng kỳ), lần lượt vượt 30% và 25% so với dự báo của HSC.

Trong nửa đầu năm 2025, doanh thu thuần tăng 43% so với cùng kỳ đạt 3.867 tỷ đồng, chủ yếu nhờ xuất khẩu sang thị trường Mỹ tăng mạnh. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần giảm 5% so với cùng kỳ xuống 110 tỷ đồng, do tỷ suất lợi nhuận giảm nhẹ và chi phí bán hàng tăng, chịu tác động từ thuế chống trợ cấp và thuế đối ứng. Doanh thu thuần và lợi nhuận thuần đạt lần lượt 56% và 34% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Doanh thu thuần tăng mạnh 51% nhờ sản lượng và giá bán cải thiện

Sản lượng cao hỗ trợ doanh thu tôm

Trong Q2/2025, doanh thu tôm đạt 1.848 tỷ đồng (tăng 53% so với cùng kỳ), đóng góp 98% tổng doanh thu. Tăng trưởng chủ yếu đến từ sản lượng xuất khẩu tăng 31%, đạt 5.349 tấn và giá xuất khẩu bình quân tăng 17%.

KQKD tích cực phần lớn được thúc đẩy nhờ nhu cầu mạnh mẽ từ thị trường Mỹ. Doanh thu từ thị trường Mỹ tăng mạnh trong năm 2024 và đầu năm 2025, với tỷ trọng đóng góp trong tổng doanh thu tăng từ mức 25% giai đoạn 2020–2023 lên hơn 33% trong năm 2024 và 41% trong nửa đầu năm 2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 23/7.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2025 & 6 tháng đầu năm 2025, FMC

Tỷ đồng	Q2/24	Q2/25	% sv cùng kỳ	6T24	6T25	% sv cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,243	1,876	51.0%	2,704	3,867	43.0%
Giá vốn hàng bán	(1,102)	(1,679)	52.3%	(2,467)	(3,542)	43.6%
Lợi nhuận gộp	141	197	40.4%	237	325	37.1%
Tỷ suất lợi nhuận gộp (%)	11.3%	10.5%		8.8%	8.4%	
Lợi nhuận HĐ tài chính	22	34	51.2%	33	49	48.5%
Chi phí QL&BH	(79)	(130)	64.9%	(129)	(238)	84.6%
Chi phí QL&BH/Doanh thu (%)	6.4%	6.9%		4.8%	6.1%	
Lợi nhuận HĐ	84	101	20.1%	141	136	-3.6%
Thu nhập thuần khác	(0)	(0)	-62.7%	0	1	-864.1%
LNTT	84	101	20.3%	141	137	-2.9%
Lợi nhuận thuần	66	80	21.4%	116	110	-5.1%

Nguồn: FMC

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu tôm đạt 3.811 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ, nhờ sản lượng tăng 37% và giá bán bình quân tăng 6% so với cùng kỳ.

Doanh thu rau củ tăng 76% so với cùng kỳ

Xuất khẩu sản phẩm rau củ trong Q2/2025 đạt mức cao, với doanh thu 56 tỷ đồng, tăng 76% so với cùng kỳ, nhờ giá xuất khẩu bình quân tăng dù sản lượng tiêu thụ giảm 16% so với cùng kỳ.

Tính chung nửa đầu năm 2025, doanh thu xuất khẩu rau củ đạt 84 tỷ đồng, tăng 26% so với cùng kỳ, với sản lượng tiêu thụ giảm 23% và giá xuất khẩu bình quân tăng 63% so với cùng kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm nhẹ do giá nguyên liệu đầu vào tăng

Trong Q2/2025, lợi nhuận gộp tăng mạnh 40,4% so với cùng kỳ đạt 197 tỷ đồng, tương ứng với tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 10,5%, thấp hơn nhẹ so với mức 11,3% của Q2/2024 nhưng cao hơn một chút so với dự kiến của HSC là 10,4%. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận gộp mảng tôm giảm nhẹ xuống 9,8%, từ mức 10,7% của Q2/2024, chủ yếu do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng.

Trong nửa đầu năm 2025, tỷ suất lợi nhuận gộp đạt 8,4%, thấp hơn mức 8,8% ghi nhận trong nửa đầu năm 2024.

Thuế chống trợ cấp và thuế đối ứng gây áp lực lên lợi nhuận

Chi phí bán hàng trong Q2/2025 tăng 84% so với cùng kỳ lên 106 tỷ đồng, chủ yếu do các chi phí thương mại phát sinh ngoài dự kiến. Thuế chống bán phá giá (CBPG) tăng 21,7% so với cùng kỳ lên 16 tỷ đồng, phản ánh doanh thu từ thị trường Mỹ tăng cao. Bên cạnh đó, khoản thuế chống trợ cấp mới áp dụng từ Q2/2025 là 4 tỷ đồng và thuế đối ứng trị giá 30 tỷ đồng (áp dụng mức 10% từ ngày 2/4 đến 9/7) càng làm gia tăng áp lực lên chi phí.

Chi phí vận chuyển trong Q2/2025 tăng 18,6% so với cùng kỳ lên 30 tỷ đồng, phù hợp với mức tăng 31% của sản lượng tiêu thụ. Trong khi đó, các chi phí bán hàng khác tăng 65,4% so với cùng kỳ lên 29 tỷ đồng. Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 26,7% so với cùng kỳ lên 24 tỷ đồng, chủ yếu do chi phí lao động tăng 32%.

Theo đó, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 6,9%, tăng so với mức 6,4% trong Q2/2024. Tính chung nửa đầu năm 2025, tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng/doanh thu là 6,1%, cao hơn mức 4,8% trong nửa đầu năm 2024.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC hiện dự báo lợi nhuận thuần cả năm đạt 316 tỷ đồng, bao gồm khoản hoàn thuế CBPG trị giá 42 tỷ đồng có thể được ghi nhận trong nửa cuối năm 2025, giả định mức thuế CBPG cuối cùng là 4,58% (theo kịch bản cơ sở của HSC).

Các rủi ro chính đối với FMC bao gồm:

1. Mức thuế CBPG sơ bộ theo đợt rà soát lần thứ 19 là 35,29% (công bố ngày 7/6), hiện đang chờ xem xét và quyết định cuối cùng vào cuối năm. Nếu mức thuế cuối cùng giữ nguyên, FMC sẽ không nhận được khoản hoàn thuế dự kiến 42 tỷ đồng và có thể phải nộp thêm khoảng 30 tỷ đồng. Điều này sẽ tác động tiêu cực đến lợi nhuận năm 2025 của FMC.
2. Chênh lệch thuế đối ứng giữa Việt Nam và các quốc gia xuất khẩu tôm khác như Ấn Độ, Indonesia và Ecuador. Nếu chênh lệch này vượt 20%, FMC có thể mất khả năng tiếp cận thị trường tôm Mỹ. Tin tích cực là mức thuế chênh lệch với Indonesia (19%) là rất nhỏ và không đáng kể. Chúng tôi tiếp tục theo dõi mức thuế đối ứng cuối cùng đối với Ấn Độ và Ecuador để đánh giá thêm.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 14% trong 3 tháng qua, FMC đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 7,7 lần, thấp hơn 0,9 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 1/2021 ở mức 9,2 lần.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	5,087	6,913	6,890	6,500	7,286
Lợi nhuận gộp	493	752	713	677	766
Chi phí BH&QL	(201)	(388)	(370)	(331)	(358)
Thu nhập khác	0.99	(0.31)	0	0	0
Chi phí khác	(0.04)	(0.29)	0	0	0
EBIT	293	363	344	346	408
Lãi vay thuần	11.5	58.9	61.2	57.5	63.9
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	305	422	405	403	472
Chi phí thuế TNDN	(2.26)	(0.81)	(11.3)	(11.3)	(13.2)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(26.3)	(117)	(77.5)	(77.2)	(90.3)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	276	304	316	315	368
Lợi nhuận thuần ĐC	276	304	316	315	368
EBITDA ĐC	447	546	497	488	568
EPS (đồng)	4,222	4,646	4,833	4,811	5,630
EPS ĐC (đồng)	4,222	4,646	4,833	4,811	5,630
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	65.4	65.4	65.4	65.4	65.4

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	452	1,077	785	1,152	1,445
Đầu tư ngắn hạn	97.4	140	280	336	403
Phải thu khách hàng	492	370	458	470	467
Hàng tồn kho	1,000	1,002	1,158	930	947
Các tài sản ngắn hạn khác	86.4	51.3	84.9	79.6	77.7
Tổng tài sản ngắn hạn	2,127	2,641	2,766	2,967	3,340
TSCĐ hữu hình	942	855	793	741	672
TSCĐ vô hình	2.32	3.69	3.64	3.58	3.53
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	0	0	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	285	275	320	308	324
Tổng tài sản dài hạn	1,229	1,134	1,116	1,053	1,000
Tổng cộng tài sản	3,356	3,775	3,882	4,020	4,339
Nợ ngắn hạn	824	902	815	815	815
Phải trả người bán	106	118	121	120	129
Nợ ngắn hạn khác	172	258	258	235	270
Tổng nợ ngắn hạn	1,112	1,297	1,217	1,188	1,235
Nợ dài hạn	0.84	0.89	1.02	0.95	1.07
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	0	0	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	0.84	0.89	1.02	0.95	1.07
Tổng nợ phải trả	1,122	1,309	1,232	1,202	1,251
Vốn chủ sở hữu	2,029	2,168	2,353	2,537	2,774
Lợi ích cổ đông thiểu số	205	298	297	280	314
Tổng vốn chủ sở hữu	2,234	2,466	2,650	2,817	3,088
Tổng nợ phải trả và VCSH	3,356	3,775	3,882	4,020	4,339
BVPS (đ)	31,026	33,151	35,984	38,795	42,425
Nợ thuần/(tiền mặt)	373	(175)	31.9	(336)	(628)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	293	363	344	346	408
Khấu hao	(154)	(184)	(153)	(143)	(160)
Lãi vay thuần	11.5	58.9	61.2	57.5	63.9
Thuế TNDN đã nộp	(2.26)	(0.81)	(11.3)	(11.3)	(13.2)
Thay đổi vốn lưu động	(211)	80.7	(256)	188	35.3
Khác	(55.4)	(48.1)	(135)	(144)	(160)
LCT thuần từ HKKD	207	601	123	549	458
Đầu tư TS dài hạn	(218)	(114)	(90.7)	(90.7)	(90.7)
Góp vốn & đầu tư	(378)	(352)	(140)	(56.0)	(67.2)
Thanh lý	2.93	0.20	0	0	0
Khác	87.9	554	112	105	118
LCT thuần từ HĐĐT	(505)	87.7	(119)	(41.3)	(39.7)
Cổ tức trả cho CSH	(143)	(151)	(131)	(131)	(131)
Thu từ phát hành CP	0	111	0	0	0
Tăng/giảm nợ	306	79.1	(166)	(9.86)	4.90
Khác	0	(111)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	163	(72.0)	(297)	(141)	(126)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	452	1,077	785	1,152	1,445
LCT thuần trong kỳ	(135)	617	(293)	368	292
Ảnh hưởng của tỷ giá	1.22	8.70	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	318	1,703	492	1,520	1,737
Dòng tiền tự do	(10.6)	487	32.5	459	367

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	9.69	10.9	10.4	10.4	10.5
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.79	7.90	7.21	7.51	7.79
Tỷ suất LNT (%)	5.43	4.39	4.59	4.84	5.05
Thuế TNDN hiện hành (%)	0.74	0.19	2.80	2.80	2.80
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.8)	35.9	(0.33)	(5.66)	12.1
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	11.6	22.1	(9.10)	(1.71)	16.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(10.2)	10.0	4.02	(0.44)	17.0
Tăng trưởng EPS (%)	(10.2)	10.0	4.02	(0.44)	17.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(10.2)	10.0	4.02	(0.44)	17.0
Tăng trưởng DPS (%)	(20.0)	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	47.4	43.0	41.4	41.6	35.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	14.0	14.5	14.0	12.9	13.9
ROACE (%)	13.4	15.4	13.4	12.6	13.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.60	1.94	1.80	1.65	1.74
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.71	1.66	0.36	1.59	1.12
Số ngày tồn kho	79.4	59.4	68.5	58.3	53.0
Số ngày phải thu	39.1	21.9	27.1	29.4	26.1
Số ngày phải trả	8.44	7.00	7.13	7.53	7.22
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	18.5	(7.37)	1.98	(12.8)	(22.1)
Nợ/tài sản (%)	24.7	24.3	21.4	20.6	19.1
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.85	1.68	1.67	1.69	1.46
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.91	2.04	2.27	2.50	2.70
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.57	0.34	0.37	0.33	0.26
EV/EBITDA ĐC (lần)	6.44	4.27	5.11	4.45	3.31
P/E (lần)	9.08	8.25	7.94	7.97	6.81
P/E ĐC (lần)	9.08	8.25	7.94	7.97	6.81
P/B (lần)	1.24	1.16	1.07	0.99	0.90
Lợi suất cổ tức (%)	5.22	5.22	5.22	5.22	5.22

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn